

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+CNV+BK10	7:25	15+7+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
2		TD3+BK6+BK8	7:25	21+0+1	0+0+0		16+0+6	0+0+0	chuyen 4 bk6-bk8
3		CTK3+BK20+RP2	9:25	19+2+1	0+0+0		18+3+0	0+0+0	
4		CTK3+RP3+TD2	9:25	22+0+0	0+0+0		9+7+6	0+0+0	
5		P3+TD3+CTK3	11:25	4+16+2	0+0+0		4+7+11	0+0+0	
6		BK9+TD1+TD5	11:25	9+10+3	0+0+0		5+9+4	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2024	TO: TD5 - CNV - BK10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	88	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	92	1	6		83	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TÂN TAI	TD5	91	1	8	34	69	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	82	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN BÀ HOA	TD5	84	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUÂN ANH	TD5	89	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	79-80	2	13		81	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD5	78	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	81	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	90	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	76-77	2	15		65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH NGỌC	TD5	86-87	2	19		93	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUANG	TD5	83	1	13		76	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ANH CUÔNG	TD5	93	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM TÙNG DƯƠNG	TD5	85	1	7		78	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	32	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CNV	36	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	35	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	31	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ QUANG HAI	CNV	33	1	7	20	74	KH-THAC	Vietnamese
21	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	29	1	11	19	73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SA	CNV	31	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	18	131	1.140	34	12		
2	CNV	7	7	52	504	39	8		
3	BK10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	183	1.644	73	21		
WEIGHT KG				183	1.644	73			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2024	TO: TD3 - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD3	57	1	7	14	80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	51	1	11		86	KHOAN	Vietnamese
3	OLEINIK IVAN	TD3	55	1	5		75	KHOAN	Russian
4	TRẦN HỮU THỌ	TD3	58	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
5	CHU VĂN THẮNG	TD3	59	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	56	1	6		95	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	54	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH AI HỮU	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	52	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	TD3	60	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN TUYẾN	TD3	40	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẠO MINH HAI	TD3	45-46	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LE THE LONG	TD3	50	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ TIẾN DŨNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
15	LE MẠNH THẮNG	TD3				47	72	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	53	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	41	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	42	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN HÙNG	TD3	47-48	2	15		62	DATAKAN	Vietnamese
20	PHẠM HUY THƯỜNG	TD3	49	1	10		86	DATAKAN	Vietnamese
21	LÔ XUÂN PHU	TD3	43-44	2	16		74	DATAKAN	Vietnamese
22	ĐO VĂN NAM	BK8	70-71	2	23		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	21	172	1.569	61	16		Chuyen 4 pax BK6-BK8
2	BK6	0	0	0	0	0	0	4	
3	BK8	1	2	23	75	0	6		
TOTAL		22	23	195	1.644	61	22		
WEIGHT KG				195	1.644	61			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/04/2024	TO: CTK3 - BK20 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TRỌNG THĂNG	CTK3	02	1	14	78	72	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẶNG THANH BÌNH	CTK3	03,07	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
3	LƯU MẠNH TIẾN	CTK3	13	1	9		67	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI ĐÌNH NGỌC	CTK3	06	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
5	VU VAN TIEN	CTK3	12	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	MAKXIMOV D.	CTK3	43	1	12		122	KH-THAC	Russian
7	CAO VAN ĐAU	CTK3	55	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THÀNH TÀI	CTK3	14	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	05	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	53,78	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUAN TRUC	CTK3	16	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN BAC	CTK3	15	1	4		49	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	08	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CÔNG AN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TIEN DUNG	CTK3	48	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	50	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	04,09	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	10-11	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	BK20	75	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT TIẾN	BK20	74	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
22	WONGPAT THANACHAROENCHAIYO	RP2	81-82	2	20	17	70	XAYLAP	Thailand

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	21	167	1.358	78	18		
2	BK20	2	2	12	133	0	3		
3	RP2	1	2	20	70	17	1		
TOTAL		22	25	199	1.561	95	22		
WEIGHT KG				199	1.561	95			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/04/2024	TO: CTK3 - RP3 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

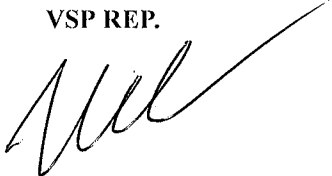
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	25	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	31	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	40	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC THĂNG	CTK3	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	24	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	27	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	38	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	39	1	3		66	HVJOC	Vietnamese
10	LAM VĂN HẠNH	CTK3	32	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LỊCH	CTK3	21	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	29	1	5		102	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN HUY	CTK3	23	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
14	HOANG VĂN THANH	CTK3	33-34	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO AN TÚ	CTK3	41-42	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VĂN BA	CTK3	45-47	3	25		68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHỊ	CTK3	35-36	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI BĂNG	CTK3	43-44	2	21		59	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TUAN ANH	CTK3	26	1	18		78	XAYLAP	Vietnamese
20	NGHIÊM TRINH NHẬT	CTK3	37	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
21	KYREEV M.	CTK3	28	1	6		85	NIPI	Russian
22	TRẦN KHOA TRƯỞNG	CTK3	30	1	8		82	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	27	209	1.549	0	9		
2	RP3	0	0	0	0	0	7		
3	TD2	0	0	0	0	47	6		
TOTAL		22	27	209	1.549	47	22		
WEIGHT KG				209	1.549	47			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/04/2024	TO: P3 - TD3 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

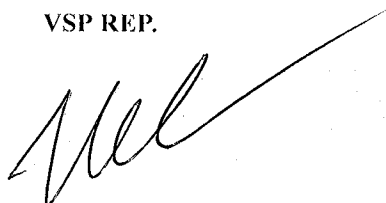
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC THAI	P3	70	1	18	6	94	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ HANH	P3	66	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HUY MẠNH	P3	69	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN LINH	P3	67-68	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO VAN DUNG	TD3	16	1	11	47	78	DATAKAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HUY	TD3	26-27	2	13	25	70	MERMAID	Vietnamese
7	PHẠM THANH ĐO	TD3	25	1	10		85	MERMAID	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD3	31	1	9		57	D-HANH	Vietnamese
9	LẠI ANH TUÂN	TD3	17	1	16	49	100	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH HIẾU	TD3	18-19	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BELAIEV S.	TD3	36	1	15		81	KH-THAC	Russian
12	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD3	20-21	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN TAM	TD3	22	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU THAI THANH	TD3	23-24	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐU	TD3	34	1	8		60	DVL	Vietnamese
16	DUƠNG MINH VIỆT	TD3	28	1	7		65	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD3	33	1	3		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	29	1	6		80	PSV	Vietnamese
19	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	30	1	8		73	PSV	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD3	35	1	4		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

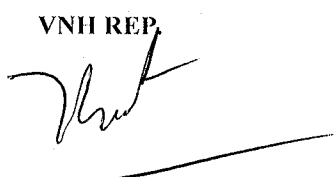
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	5	59	315	6	4		
2	TD3	16	20	171	1.198	121	7		
3	CTK3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		20	25	230	1.513	127	22		
WEIGHT KG				230	1.513	127			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

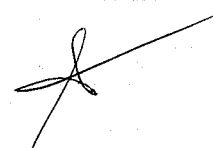
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/04/2024	TO: BK9 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HU'NG - N.Cuong - N.Nam	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH NGU'	BK9	35	1	5	64	63	KH-THAC	Vietnamese
2	VO THE HAU	BK9	36	1	4	45	66	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRUONG AN	BK9	42	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	BK9	32-34	3	11		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA THUAN	BK9	45	1	13		74	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC KHOA	BK9	40-41	2	19		91	CODIEN	Vietnamese
7	PHAM HOANG	BK9	43-44	2	12		62	CODIEN	Vietnamese
8	QUACH SY TY	BK9	37	1	10	15	65	CODIEN	Vietnamese
9	LUONG MANH HUONG	BK9	31	1	3		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN NAM THAI	TD1	51	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH TUAN	TD1	49	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN QUANG TUAN	TD1	94	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LE THANH HA	TD1	3	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET LONG	TD1	52	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH LUAN	TD1	54	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH HAI	TD1	55	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN KHAC THANG	TD1	50	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH CUONG	TD1	48	1	5		73	PSV	Vietnamese
19	PHAM HUY DINH	TD1	46-47	2	17		63	TTIN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TIEN	TD5	23	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	VU QUOC VIET	TD5	24	1	3		81	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VU DUYEN	TD5	25	1	8	45	67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	9	13	86	633	124	5		
2	TD1	10	11	67	681	0	9		
3	TD5	3	3	15	206	45	3		
TOTAL		22	27	168	1.520	169	17		
WEIGHT KG				168	1.520	169			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN